

Từ vựng & Ngữ pháp:

Lớp: S6...

Nghe:

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Mini Test:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 5: MONEY – VOCABULARY 2 & PRESENTATION

A. VOCABULARY

- Calculation

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	percent (n)	phần trăm	3	total profit (n)	tổng lợi nhuận
2	cost (n/v)	chi phí; tốn (bao nhiêu tiền)			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	swap (v)	đổi, trao đổi	7	cheque (n)	séc (giấy ghi trả tiền)
2	visible (adj)	có thể nhìn thấy, rõ ràng	8	fraction (n)	phần số; một phần nhỏ
3	invisible (adj)	vô hình, không thể nhìn thấy	9	raise money (phr.)	gây quỹ, quyên góp tiền
4	antique (adj/n)	cổ, đồ cổ	10	save up for (phr.v)	tiết kiệm tiền để mua gì đó
5	defiant (adj)	bướng bỉnh, chống đối	11	manage (v)	xoay xở, quản lý
6	relent (v)	dịu lại, bớt nghiêm khắc			

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	digital camera (n)	máy ảnh kỹ thuật số	4	worth (adj)	đáng (để mua/làm gì)
2	journalist (n)	nhà báo	5	on sale (phr.)	giảm giá
3	memory (n)	bộ nhớ			

***Note:** *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ; *v* = verb: động từ; *phr.* = phrase: cụm từ;
phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (20 questions)

I. Choose the correct answers.

- [illegible]

4. The school is trying to _____ for a charity project next month.
A. raise money B. relent C. swap
5. The shop had to increase the _____ because the materials were expensive.
A. manage B. swap C. cost

II. Write the correct words based on the definitions and clues given.

0. <u>cost</u>	the amount of money you need to pay for something
1. v _____	easy to see; able to be seen
2. d _____	not obeying rules or people in authority
3. m _____	to succeed in doing something difficult; to control or organise something
4. r _____	to become less strict
5. c _____	a printed form that you sign to pay money from your bank account

III. Fill in the blanks with the correct words/phrases in the box. Use each word ONCE only.

raise money	save up for	total profit	antique	swap	visible
------------------------	-------------	--------------	---------	------	---------

Last weekend, our class held a small fair to (0) raise money for a school trip. Students brought toys and books to (1) _____ with each other. Linh even brought a(n) (2) _____ coin that her grandfather gave her, and everyone wanted to see it, but it was so small that it was not (3) _____.

At the end of the fair, the teacher told us the (4) _____ and we were surprised that we earned more than we expected. Even though I tried to (5) _____ a new game, I couldn't keep all my money because I bought some snacks.

IV. Complete the sentences using the suitable reflexive pronouns.

0. She / cook dinner / every day

→ She cooks dinner herself every day.

1. Tom / hurt / while playing football yesterday

→ _____.

2. We / always carry / all the boxes / without help

→ _____.

3. The children / enjoy / at the festival last weekend

→ _____.

4. You / should look after / when you stay home alone

→ _____.

5. I / teach / to play the piano / when I was eight

→ _____.

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con làm bài nghe theo link/code sau:

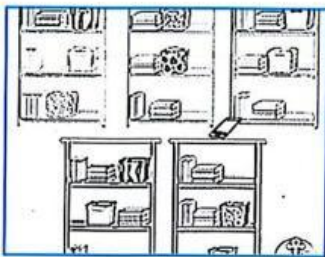
<https://soundcloud.com/ms-chi-english/simply-cambridge-a2-key-for-schools-test-5-part-1>



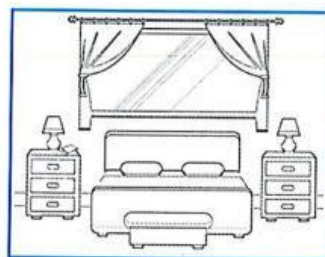
PART 1 Questions 1-5

For each question, choose the correct picture.

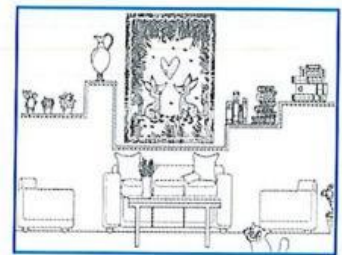
1. Where will David put his sister's mobile phone?



A



B



C

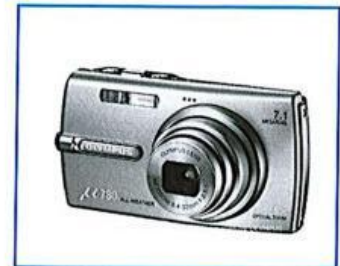
2. What will the girl buy?



A

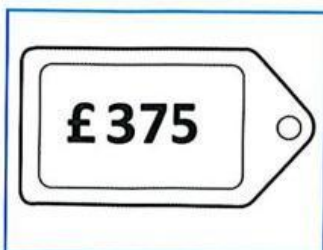


B

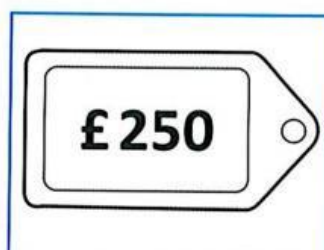


C

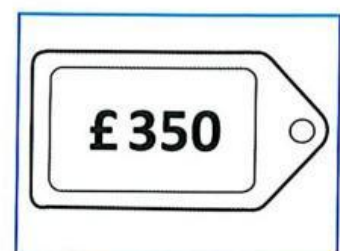
3. How much did the boy's father pay for the TV?



A



B



C

4. What did the cat break?



A



B



C

5. Which man is the girl's father?



A



B



C